

BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi sông Cầu, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Thời gian: Đợt 1 (tháng 1/2018)

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni -N (mg/l)	Nitrat -N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Cổng lấy nước Đá Gân (cổng 10 cửa)	Trời nắng nhẹ, có gió, nhiều sương mù, $t^{\circ} = 18^{\circ}\text{C}$. Dòng chảy mạnh, mở 6 cửa. Không có rác ở thượng lưu cổng.	Nước màu xanh lục, đục.	7.81	20.8	6.07	0.1	0.016	0.758	213	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
2	2	Cổng điều tiết Lữ Yên	Trời nắng nhẹ, nhiều mây, không có gió, $t^{\circ} = 18^{\circ}\text{C}$. Nước chảy mạnh, cổng mở. Phía thượng lưu cổng có ít rác thải do cổng mở bé nên bị đọng lại.	Nước màu xanh lục.	7.83	19.6	6.33	0.1	0.023	0.743	219	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
3	3	Cổng điều tiết Lữ Vân	Trời nắng nhẹ, gió ĐDB 3 km/h, $t^{\circ} = 20^{\circ}\text{C}$. Nước đầy, chảy chậm,	Nước màu xanh	7.84	21.3	7.33	0.1	0.016	0.884	217	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi.

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni -N (mg/l)	Nitrat -N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
			cổng mở ít, chênh lệch 1m. Thượng lưu cổng có động rác thải.	lục.								Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
4	4	Cổng điều tiết Vân Cầu	Trời nắng nhẹ, gió ĐDB 3 km/h, t° = 20°C. Nước đầy, chảy chậm, 1 cổng mở nhiều, 1 cổng mở ít. Có rác thải đọng ở thượng lưu cổng mở ít.	Nước màu xanh lục.	7.9	29.2	8.1	0.1	0.047	0.853	217	Đủ điều kiện dùng cho trước tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
5	5	Cổng điều tiết Bi Nội	Trời nắng nhẹ, gió ĐDB 3 km/h, t° = 20°C. Nước đầy, chảy chậm, cổng mở một phần chênh lệch 1m. Có rác thải đọng lại tại cổng.	Nước màu xanh lục.	7.88	19	8.7	0.1	0.031	0.968	208	Đủ điều kiện dùng cho trước tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
6	6	Cổng điều tiết Mỏ Thổ	Trời nắng nhẹ, mát, gió ĐDB 3 km/h, t° = 20°C. Nước khá đầy, dòng chảy trung bình, cổng mở một phần. Có rác thải ở thượng lưu cổng.	Nước màu xanh lục.	7.87	24.2	7.96	0.1	0.016	1.053	208	Đủ điều kiện dùng cho trước tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
7	7	Cổng điều tiết Điểm Tổng	Trời nắng nhẹ, gió ĐDB 3 km/h, t° = 20°C. Không có dòng chảy, cổng đóng, nước đầy. Có	Nước màu xanh lục.	7.77	12.2	7.16	0.1	0.008	0.952	202	Đủ điều kiện dùng cho trước tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni -N (mg/l)	Nitrat -N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
			nhiều rác nổi trên mặt công.									động, thực vật thủy sinh.
8	8	Cổng lấy nước đầu kênh N2	Trời nắng nhẹ, nhiều sương, không có gió, t° = 18°C. Nước đầy, dòng chảy trung bình. Trên kênh không có rác thải.	Nước màu xanh lục.	7.83	24.8	7.22	0.1	0.016	0.722	224	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
9	9	Cổng điều tiết Lăng Trình	Trời nắng, gió ĐDB 3 km/h, t° = 20°C. Dòng chảy trung bình, nước đầy. Trên mặt kênh có ít rác thải.	Nước màu xanh lục.	7.85	25.6	7.18	0.1	0.008	0.846	223	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
10	10	Cổng điều tiết Kè Thường	Trời nhiều mây, gió ĐN 11 km/h, t° = 22°C. Nước đầy, dòng chảy mạnh, 1 cổng mở 1 cổng đóng.	Nước màu xanh lục.	7.93	17.2	7.82	0.1	0.008	0.824	226	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
11	11	Cổng điều tiết Kè Thẽ	Trời nắng nhẹ, gió ĐDB 3 km/h, t° = 20°C. Nước đầy, dòng chảy chậm, cổng mở bé. Có rác ú đọng ở thượng lưu công.	Nước màu xanh lục.	7.87	19.4	7.27	0.1	0.023	0.866	227	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni -N (mg/l)	Nitrat -N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
12	12	Cổng điều tiết Kè Non	Trời nắng nhẹ, gió ĐĐB 3 km/h, t ^o = 20°C. Nước chảy nhanh, mực nước trung bình, cống mở.	Nước màu xanh lục.	7.91	18.3	7.84	0.1	0.000	0.000	226	Đủ điều kiện dùng cho trước tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
13	13	Cuối kênh N5 tại chợ Mọc	Trời nắng nhẹ, gió ĐĐB 3 km/h, t ^o = 20°C. Nước chảy nhanh, mực nước trung bình.	Nước màu xanh lục.	7.85	28	7.9	0.1	0.031	0.815	212	Đủ điều kiện dùng cho trước tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
14	14	Cổng điều tiết An Cập	Trời nắng, nhiều mây, gió nhẹ, t ^o = 21°C. Cổng mở hoàn toàn, nước đầy, dòng chảy mạnh.	Nước màu xanh lục.	7.9	32.6	7.65	0.1	0.062	0.801	227	Đủ điều kiện dùng cho trước tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
15	15	Cổng Kè Tràng trên kênh N3	Trời nhiều mây, gió nhẹ, t ^o = 20°C. Nước chảy mạnh, mực nước trung bình, cống mở.	Nước màu xanh lục.	7.67	13.9	6.29	0.1	0.070	0.803	233	Đủ điều kiện dùng cho trước tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.